TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VÂN CANH** **TỈNH BÌNH ĐỊNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2023/HS-ST
Ngày: 19-6-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VÂN CANH, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Toàn - Cán bộ nghỉ hưu.

Bà Lê Thị Thu Lợi - Nguyên hiệu trưởng Trường tiểu học xã Canh Hiệp.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Hoa Sen - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vân Canh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vân Canh, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Văn Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vân Canh, tỉnh Bình Định, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 17/2023/TLST-HS ngày 18 tháng 5 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2023/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 6 năm 2023, Quyết định thay đổi Hội thẩm nhân dân số 67/2023/QĐ-TA, ngày 15 tháng 6 năm 2023, đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Văn B, tên gọi khác: Không, sinh 30/8/2005 tại xã C, huyện V, tỉnh B; nơi cư trú: làng S, xã C, huyện V, tỉnh B; đến ngày thực hiện hành vi phạm tội bị cáo 16 tuổi 11 tháng 07 ngày; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Chăm; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn T, sinh năm 1980 và bà Lê Thị X, sinh năm 1982; vợ con: Chưa; anh chị em ruột: Có 03 người; tiền án, tiền sự: Không. Nhân thân: Ngày 26/9/2021, bị Công an huyện Vân Canh xử phạt cảnh cáo về hành vi "Trộm cắp tài sản"; Ngày 08/11/2022, bị Cơ quan CSĐT Công an huyện Vân Canh ra Quyết định khởi tố bị can về tội: "Cố ý gây thương tích", đến ngày 19/12/2022, Cơ quan CSĐT Công an huyện Vân Canh đã ra Quyết định đình chỉ điều tra bị can; Ngày 03/01/2023, bị Công an huyện Vân Canh xử phạt 2.500.000 đồng về hành vi "Cố ý gây thương tích", chấp hành xong ngày 10/01/2023. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú" từ ngày 28/02/2023 cho đến nay, "có mặt".

2. Nguyễn Văn T, tên gọi khác: Không; sinh ngày 21/4/2005, tại xã C, huyện V, tỉnh B; nơi cư trú: Làng S, xã C, huyện V, tỉnh B; đến ngày thực hiện hành vi phạm tội bị cáo 17 tuổi 03 tháng 15 ngày; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Chăm; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt

Nam; con ông: Nguyễn Văn P, sinh năm 1975 và bà Lý Thị T, sinh năm: 1977; anh, chị, em ruột: Có 05 người; vợ, con: Chưa; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú" từ ngày 28/02/2023 cho đến nay, "có mặt".

3. Nguyễn Nhất N, tên gọi khác: Không; sinh ngày 17/6/1997 tại xã C, huyện V, tỉnh B; nơi cư trú: thôn T, xã C, huyện V, tỉnh B; nghề nghiệp: Nông; trình độ văn hóa: 01/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Thành Q (chết) và bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1969; anh, chị, em ruột: Có 01 người; vợ, con: Không; tiền án: Ngày 16 tháng 5 năm 2023, bị Tòa án nhân dân huyện Vân Canh, tỉnh Bình Định xử phạt 04 năm tù về tội "Cướp giật tài sản" bị cáo chưa chấp hành án; tiền sự: Không. Bị cáo đang bị tạm giam trong vụ án khác từ ngày 18/10/2022 đến nay, "có mặt."

- *Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn B:* Bà Lê Tôn Nữ Kim Y - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Bình Định, "có mặt".

- *Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn T:* Ông Nguyễn Ánh Q - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Bình Định, "có mặt".

- *Người đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Văn B:* Chị Lê Thị X, sinh năm 1982 (Mẹ đẻ của bị cáo Nguyễn Văn B); nơi cư trú: Làng S, xã C, huyện V, tỉnh B, "có mặt".

- *Người đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Văn T:* Chị Lý Thị T, sinh năm 1977 (Mẹ đẻ của bị cáo Nguyễn Văn T); nơi cư trú: Làng S, xã C, huyện V, tỉnh B, "có mặt".

- *Bị hại:* Chị Mai Thị N, sinh năm 1986; nơi cư trú: Làng S, xã C, huyện V, tỉnh B, "có mặt".

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại Mai Thị N:* Ông Nguyễn Ngọc Quốc L - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Bình Định, "có mặt".

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh Đoàn Quân T, sinh năm 1972; nơi cư trú: Thôn K, xã C, huyện V, tỉnh B, "có mặt".

2. Anh Đoàn Quốc L, sinh năm 1994; nơi cư trú: Thôn H, xã C, huyện V, tỉnh B, "có mặt".

- *Vật chứng cần đưa ra xem xét tại phiên tòa:* Không

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tối ngày 07/8/2022, trong khi đi chơi thì Nguyễn Văn B và Nguyễn Văn T bàn bạc và thống nhất với nhau đi dạo tìm tài sản của người dân để trộm cắp bán lấy tiền tiêu xài. Đến 22 giờ 30 phút cùng ngày, B và T đi bộ đến nhà bà Mai Thị N tại làng S, xã C, huyện V, tỉnh B thì thấy cả nhà bà N đang ngủ, không khóa

cửa. T đứng cảnh giới bên ngoài, còn B trèo qua hàng rào lưới B40 rồi đột nhập vào bên trong nhà. B vào phòng ngủ đầu tiên thấy Trần Văn L là con bà N đang ngủ có để điện thoại hiệu Realme C21-Y, màu xanh caro bên cạnh nên đi đến lén lút lấy điện thoại này. B tiếp tục vào phòng ngủ thứ hai thấy bà N cũng đang ngủ để điện thoại hiệu Oppo A12, màu xanh bên cạnh liền lấy cất vào trong người rồi nhanh chóng tẩu thoát ra ngoài. Sau đó, B và T mang 02 điện thoại trộm được đến nhà Nguyễn Nhất N tại thôn T, xã C đưa cho N, đồng thời nói với N: " Điện thoại tụi em vừa mới lấy trộm được trên kia, anh N tìm người mua để bán lấy tiền tiêu xài chung". Nghe B nói xong, N nhận 02 điện thoại rồi cất giữ trong nhà. Khoảng 16 giờ ngày 08/8/2022, T điều khiển xe mô tô đến nhà của N rồi cùng N và B mang 02 điện thoại trên đến nhà anh ruột của N là Nguyễn Nhất D tại thôn T, xã C, huyện V, tỉnh B chơi thì gặp Đoàn Quân T và Đoàn Quốc L. N và B nói với L: "B có điện thoại không dùng nữa, kẹt tiền muốn bán". L hỏi: "Điện thoại đâu xem?" thì N đi về nhà của mình lấy điện thoại quay lại nhà D bán cho L với giá 500.000 đồng. Một lúc sau, N nói với ông T: "Cháu còn có một cái điện thoại không dùng nữa cũng muốn bán", T hỏi: "Điện thoại đâu xem?" thì N tiếp tục đi về nhà của mình lấy điện thoại Oppo A12, màu xanh rồi quay lại nhà D bán cho ông T với giá 300.000 đồng. Có được số tiền do bán điện thoại trên, N, B và T cùng nhau tiêu xài hết.

Theo các kết luận định giá tài sản số 28/KL-HĐĐGTS ngày 12/10/2022 và kết luận số 39/KL-HĐĐGTS ngày 09/12/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Vân Canh, xác định: Điện thoại di động Realme C21-Y có trị giá 3.411.000 đồng và điện thoại Oppo A12 có trị giá 1.800.000 đồng. Tổng trị giá tài sản bị chiếm đoạt là 5.211.000 đồng.

Cơ quan CSĐT Công an huyện Vân Canh đã thu giữ và đã trả lại 02 điện thoại trên cho Mai Thị Nhịp.

Bản Cáo trạng số 18/CT-VKS ngày 16/5/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Vân Canh, tỉnh Bình Định truy tố các bị cáo Nguyễn Văn B và Nguyễn Văn T về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự; bị cáo Nguyễn Nhất N bị truy tố về tội: "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có", quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vân Canh, tỉnh Bình Định giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo Nguyễn Văn B và Nguyễn Văn T về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự; bị cáo Nguyễn Nhất N bị truy tố về tội: "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có", quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự và đề nghị:

Áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Nhất N mức án từ 06 (sáu) đến 09 (chín) tháng tù; Áp dụng Điều 56 Bộ luật Hình sự tổng hợp hình phạt của Bản án số: 14/2023/HS-ST ngày 16/5/2023 của Tòa án nhân dân huyện Vân Canh, tỉnh Bình Định.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 91; Điều 101 Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn B mức án từ 03 (ba) đến 06 (sáu) tháng tù;

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 91; Điều 101; Điều 65 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T mức án từ 03 (ba) đến 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách đối với bị cáo.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại bà Mai Thị N đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường thiệt hại gì thêm nên không xem xét.

Về án phí sơ thẩm: Các bị cáo phải chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn B là bà Lê Tôn Nữ Kim Y trình bày bản luận cứ: Thống nhất luận tội của đại diện Viện kiểm sát về tội danh, Điều luật áp dụng đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 91; Điều 101 Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn B mức án 03 (ba) tháng tù;

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn T là ông Nguyễn Ánh Q trình bày bản luận cứ: Thống nhất luận tội của đại diện Viện kiểm sát về tội danh, Điều luật áp dụng đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36; Điều 91; Điều 100; Điều 101 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T mức án 12 (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại Mai Thị N là ông Nguyễn Ngọc Quốc L, thống nhất với nội dung bản cáo trạng, luận tội của đại diện Viện kiểm sát về tội danh, Điều luật áp dụng và mức hình phạt đối với các bị cáo. Về dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường gì thêm nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Tại phiên tòa, các bị cáo B, T và N nhận tội và không có ý kiến tranh luận.

Bị hại bà Mai Thị N đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường thiệt hại gì thêm.

Các bị cáo nói lời sau cùng: Các bị cáo nhận thấy hành vi phạm tội của mình là vi phạm pháp luật và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra các bị cáo; người đại diện hợp pháp của bị cáo; bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Điều tra viên, Kiểm sát viên. Do đó, hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai của các bị cáo trước đây tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan và các tài liệu, chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Do lười lao động, nhưng lại muốn có tiền để tiêu xài nên khoảng 22 giờ 30 phút ngày 07/8/2022, các bị cáo Nguyễn Văn B và Nguyễn Văn T đã lợi dụng lúc đêm tối và sự sơ hở của bị hại ngủ không khóa cửa nên đã lén lút đột nhập vào nhà và chiếm đoạt tài sản của bị hại gồm một điện thoại hiệu Oppo A12 có trị giá 1.800.000 đồng và một điện thoại di động hiệu Realme C21-Y có trị giá 3.411.000 đồng. Tổng trị giá tài sản bị chiếm đoạt là 5.211.000 đồng. Bị cáo Nguyễn Nhất N biết rõ 02 điện thoại Oppo A12 và Realme C21-Y là do các bị cáo B và T trộm cắp mà có nhưng vì cũng muốn có tiền tiêu xài, nên bị cáo N đã giúp các bị cáo B và T bán 02 điện thoại trên cho Đoàn Quốc L và Đoàn Quân T để có tiền cùng nhau tiêu xài. Hành vi nêu trên của các bị cáo Nguyễn Văn B và Nguyễn Văn T đã phạm vào tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Hành vi trên của bị cáo Nguyễn Nhất N đã phạm vào tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân huyện Vân Canh truy tố các bị cáo Nguyễn Văn B và Nguyễn Văn T về tội "Trộm cắp tài sản" quy định khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự và truy tố bị cáo Nguyễn Nhất N về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Về tính chất mức độ tội phạm: Đây là vụ án có tính đồng phạm giản đơn. Trong đó các bị cáo B và T với vai trò chính là người đồng thực hành, bị cáo N là người tiêu thụ tài sản do các bị cáo B và T trộm cắp tài sản mà có. Các bị cáo B, T và N là những người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự trong đó các bị cáo B và T đều thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, bị cáo N thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý gián tiếp. Hành vi trên của các bị cáo B, T và N là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, xâm phạm trật tự công cộng; gây mất an ninh, trật tự tại địa phương. Do đó, cần xử phạt các bị cáo mức án nghiêm khắc, tương xứng với tính chất, mức độ phạm tội của từng bị cáo; có xét đến các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của từng bị cáo.

[4] Xét về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo: Trong quá trình điều tra, truy tố các bị cáo B, T và N đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s, i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo B, T và N đều không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Các bị cáo B và N đều có nhân thân xấu: Đối với bị cáo B, ngày 26/9/2021 bị Công an huyện Vân Canh xử phạt cảnh cáo về hành vi "Trộm cắp tài sản"; ngày 08/11/2022, bị Cơ quan CSĐT Công an huyện Vân Canh ra Quyết định khởi tố bị can về tội "Cố ý gây thương tích", đến ngày 19/12/2022 Cơ quan CSĐT Công an huyện Vân Canh đã ra Quyết định đình chỉ điều tra bị can; ngày 03/01/2023, bị Công an huyện Vân Canh xử phạt 2.500.000 đồng về hành vi "Cố ý gây thương tích", chấp hành xong ngày 10/01/2023. Đối với bị cáo N, ngày 16/5/2023, bị Tòa án nhân

dân huyện Vân Canh, tỉnh Bình Định xử phạt 04 năm tù về tội "Cướp giật tài sản". Lẽ ra, sau những lần phạm tội trước, các bị cáo B và N phải biết sửa chữa sai lầm nhưng vẫn tiếp tục phạm tội. Do đó, cần phải cách ly các bị cáo B và N ra khỏi xã hội một thời gian để vừa răn đe, trừng trị vừa đảm bảo cải tạo, giáo dục riêng đối với các bị cáo và phòng ngừa tội phạm.

Riêng bị cáo T có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng. Nhận thấy bị cáo có khả năng tự cải tạo và việc cho bị cáo hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách đối với bị cáo không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội phù hợp với Nghị quyết số 02/NQ-HĐTPTANDTC ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Nên không cần thiết phải cách ly bị cáo T ra ngoài xã hội cũng đảm bảo mục đích giáo dục bị cáo sửa chữa sai lầm trở thành người công dân tốt có ích cho xã hội.

[5] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự thì "người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000đ đến 50.000.000đ". khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; Theo quy định tại khoản 5 Điều 323 Bộ luật Hình sự thì "người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000đ đến 50.000.000đ hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản". Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của các bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy các bị cáo đều không có nghề nghiệp, hoàn cảnh gia đình khó khăn nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo N. Riêng các bị cáo B và T là người dưới 18 tuổi, nên căn cứ khoản 6 Điều 91 Bộ luật Hình sự không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo B và T.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại bà Mai Thị N đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường thiệt hại gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Đối với Đoàn Quân T và Đoàn Quốc L có hành vi mua điện thoại của bị cáo N và bị cáo B đem bán nhưng không biết các điện thoại này là do phạm tội mà có nên không phạm tội.

[8] Về án phí: Theo quy định tại các Điều 135, 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Các bị cáo Nguyễn Văn B, Nguyễn Văn T và Nguyễn Nhất N phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

[9] Xét các đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[10] Xét đề nghị của bà Lê Tôn Nữ Kim Y bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn B, đề nghị về mức hình phạt đối với bị cáo Bình là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[11] Xét đề nghị của ông Nguyễn Ánh Q bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn T, đề nghị áp dụng thêm Điều 36 Bộ luật Hình sự và mức hình phạt đối với bị cáo Tâm là không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

[12] Xét đề nghị của ông Nguyễn Ngọc Quốc L là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 323; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 56 và Điều 38 Bộ luật Hình sự, áp dụng đối với bị cáo Nguyễn Nhất Nhất;

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 91; Điều 101; Điều 38 Bộ luật Hình sự, áp dụng đối với bị cáo Nguyễn Văn Bình;

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 91; Điều 101; Điều 65 Bộ luật Hình sự, áp dụng đối với bị cáo Nguyễn Văn Tâm;

Căn cứ khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23; Điều 26 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về việc quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào các Điều 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tuyên xử:

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn B và Nguyễn Văn T đều phạm tội "Trộm cắp tài sản" quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự; bị cáo Nguyễn Nhất N phạm tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự.

2. Về hình phạt:

2.1. Xử phạt bị cáo Nguyễn Nhất N 06 (sáu) tháng tù về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có". Tổng hợp hình phạt Bản án số: 14/2023/HS-ST ngày 16-5-2023 của Tòa án nhân dân huyện Vân Canh, tỉnh Bình Định xử phạt bị cáo Nguyễn Nhất N 04 năm tù về tội "Cướp giật tài sản". Bị cáo Nguyễn Nhất N phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành bản án số: 14/2023/HS-ST ngày 16/5/2023 của Tòa án nhân dân huyện Vân Canh, tỉnh Bình Định.

2.2. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn B 03 (ba) tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản". Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án.

2.3. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 (mười hai) tháng về tội "Trộm cắp tài sản". Thời hạn tù tính kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (19/6/2023).

Giao Nguyễn Văn T cho Ủy ban nhân dân xã C, huyện V, tỉnh B để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Về án phí hình sự sơ thẩm: Buộc các bị cáo Nguyễn Văn Bình, Nguyễn Văn Tâm và Nguyễn Nhất Nhất mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, các bị hại và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND huyện Vân Canh;
- VKSND tỉnh Bình Định;
- CQCSĐT Công an huyện Vân Canh;
- CQTHAHS Công an huyện Vân Canh;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Định;
- Chi cục THADS huyện Vân Canh;
- Các bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Mai Phương